

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
ĐƠN VỊ: KHOA Y

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 1, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	SINH LÝ BỆNH - MIỄN DỊCH HỌC (Thực hành)		
Mã học phần:	71MDPI30273	Số tin chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	231_71MDPI30273_0101		
Hình thức thi: <b>Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>30</b>	Phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

**II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO**

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Trình bày cơ bản các khái niệm, cơ chế hoạt động về sinh lý bệnh và miễn dịch.	Tự luận	40	3	4	PI2.1
CLO2	Phân tích được các thay đổi về chỉ số sinh lý chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan trong các rối loạn bệnh lý.	Tự luận	30	1	3	0
CLO3	Giải thích được sự thay đổi trong các cơ chế điều hòa,	Tự luận	30	2	3	0

	điều hòa ngược và hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể trong các rối loạn bệnh lý.					
--	---	--	--	--	--	--

### III. Nội dung câu hỏi thi

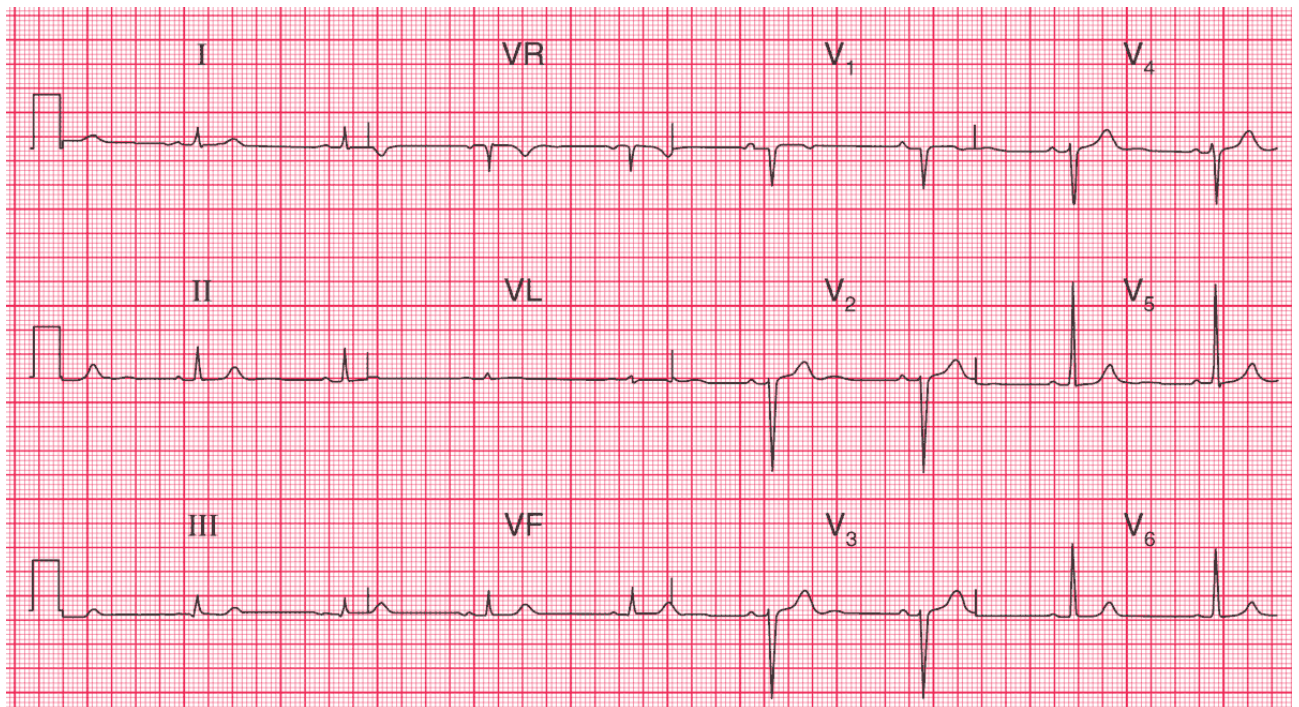
#### Câu hỏi 1:

- A. Hãy cho biết tính chất quan trọng nhất của một chất “đánh dấu cầu thận”?
- B. Một bệnh nhân nam 40 tuổi, có diện tích da là 1.6 m<sup>2</sup>. Bệnh nhân đến khám, được bác sĩ cho tiến hành thu thập nước tiểu 24h và lấy máu xét nghiệm. Kết quả nồng độ creatinine huyết thanh là 1.1 mg/dl, nồng độ creatinine nước tiểu là 90 mg/dl, lưu lượng nước tiểu là 1.2 ml/phút. Hãy ước đoán hệ số thanh lọc creatinien và GFR hiệu chỉnh của bệnh nhân này. Nhận xét kết quả theo KDIGO 2012.

#### Câu hỏi 2:

- A. Một bệnh nhân nam, 36 tuổi, nhân viên văn phòng, ít vận động thể lực. Bệnh nhân này đang điều trị tăng huyết áp ổn định, cân nặng 65kg (BMI=30 kg/m<sup>2</sup>), gia đình có mẹ bị đái tháo đường đã mất. Qua thăm khám và xét nghiệm, phát hiện bệnh nhân bị rối loạn lipid máu. Hãy liệt kê các yếu tố nguy cơ mắc đái tháo đường trên bệnh nhân này.
- B. Bệnh nhân trên có tự đo glucose huyết đói tại nhà với máy thử glucose mao mạch, kết quả là 95 mg/dl. Tại phòng khám, bác sĩ cho đo lại glucose huyết thanh lúc đói (FPG), kết quả là 118 mg/dl. Kết quả nào chính xác hơn? Theo phân loại của ADA, bệnh nhân này được chẩn đoán như thế nào? Giải thích.

**Câu hỏi 3:** Một bệnh nhân nữ, 50 tuổi, không có bệnh lý gì trước đó, đến kiểm tra sức khỏe định kỳ và được đo ECG.



- A. Hãy cho biết nhịp nền trên ECG có phải nhịp xoang không? Giải thích.  
 B. Nhận xét trục QRS của bệnh nhân trên 2 mặt phẳng trán và ngang.

### ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Tự luận</b>			
<b>Câu 1</b>		<b>3.0</b>	
Nội dung a.	“Chất đánh dấu cầu thận” là chất: - Được lọc tự do qua cầu thận - Không được tái hấp thu ở ống thận - Không được bài tiết thêm ở ống thận	0.5 0.5 0.5	
Nội dung b.	- $C_{\text{creatinine}} = (90 \times 1.2) / 1.1 = 98$ ml/phút - $GFR_{\text{HC}} = (98 \times 1.73) / 1.6 = 106$ ml/phút/1.73m <sup>2</sup> da - Nhận xét: bệnh thận mạn giai đoạn 1 theo KDIGO 2012 (nếu có tổn thương thận mạn tính)	0.5 0.5 0.5	

<b>Câu 2</b>		<b>3.0</b>	
Nội dung a.	Các yếu tố nguy cơ mắc đái tháo đường: - Ít vận động thể lực - BMI = 30 kg/m <sup>2</sup> - Bị rối loạn lipid máu - Tiền căn tăng huyết áp - Tiền căn mẹ bị đái tháo đường	0.25 0.25 0.25 0.25 0.25	
Nội dung b.	- Kết quả đo glucose huyết thanh tại phòng khám chính xác hơn. - Theo ADA, bệnh nhân này bị rối loạn đường huyết đói (IFG) vì đường huyết đói (118 mg/dl) nằm trong khoảng 100-125 mg/dl.	0.75 1.0	
<b>Câu 3</b>		<b>4.0</b>	
Nội dung a.	Nhịp nền ECG là nhịp xoang vì: - QRS không dẫn rộng > 0.12s - Trục sóng P bình thường: P đi trước QRS, PQ hằng định P (+) tại II, (-) tại aVR P đồng nhất	0.5 0.5 0.25 0.25 0.25	
Nội dung b.	- Trục QRS trên mặt phẳng trán bình thường vì QRS (+) trên cả 2 chuyển đạo I và aVF. - Trục QRS trên mặt phẳng ngang bình thường vì R tăng dần và S giảm dần biên độ khi đi từ V1 đến V5.	1.0 1.0	
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	

### THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Câu số/Nội dung câu hỏi	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Tự luận (Nhóm câu hỏi)</b>		<b>10.0</b>	
	Câu 1	3.0	
	Câu 2	3.0	
	Câu 3	4.0	
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2023

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

**TS. Trần Nhật Phương**

**TS. BS. Lê Quốc Tuấn**